

Số: 214/2021/DS-PT

Ngày: 27/5/2021

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế và hủy
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Hồng

Ông Trương Chí Anh

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50A/2020/DS-ST, ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 181/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Đặng Thị H, sinh 6/12/1961 (*có mặt tại phiên tòa*).

Trú tại: Số 144, Xuân Phương, Tổ 4, Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Q, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 8, Tổ 23, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (*ông Quyền có mặt tại phiên tòa*).

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958 (*có mặt tại phiên tòa*).

Địa chỉ: Xóm 6 thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Trần Long B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Phòng 504, chung cư 6 tầng, ngõ 538/2 đường Láng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (*ông B có mặt tại phiên tòa*).

2. Anh Lý Trần H, sinh năm 1987 (*có mặt tại phiên tòa*).

Địa chỉ: Xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T và ông Lý Trần H là ông Nguyễn Tuấn D, Luật sư Công ty Luật TNHH Hoà D thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (*ông D có mặt tại phiên tòa*);

3. Chị Lý Thị H, sinh năm 1977 (*có mặt tại phiên tòa*);

Địa chỉ: Số 7, Tổ dân phố số 2, Hòe Thị, Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

4. Chị Lý Thị A, sinh năm 1980 (*có mặt tại phiên tòa*);

Địa chỉ: Xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội;

5. Chị Lý Thị N, sinh năm 1983 (*có mặt tại phiên tòa*);

Đều trú tại: Xóm 5 thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện HĐ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng Tr - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Hoài Đức;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị N - chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Hoài Đức (*có đơn xin xét xử vắng mặt*);

2. Bà Đặng Thị S, sinh năm 1958 (*có mặt tại phiên tòa*);

Địa chỉ: Xóm 1 thôn An Trai, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;

3. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1966 (*vắng mặt tại phiên tòa*);

Trú tại: Số 64 Hoàng Văn Thái, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội;

4. Anh Hoàng Danh Th, sinh năm 1972 (*vắng mặt tại phiên tòa*);

Địa chỉ: Xóm 1, thôn An Trai, Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;

Bà B và anh Th uỷ quyền cho bà Đặng Thị S, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (*theo Giấy uỷ quyền ngày 12 và 15/7/2019. Bà S có mặt tại phiên tòa*);

5. Ông Lý Trần L, sinh năm 1964 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*);

Địa chỉ: Thôn Kim Hoàng, Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;

6. Ông Lý Trần Đ, sinh năm 1943 (*vắng mặt tại phiên tòa*);

Địa chỉ: Số 89 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội;

7. Ông Lý Trần N, sinh năm 1958 (*vắng mặt tại phiên tòa*);

Địa chỉ: Số 31 ngõ 6/14 phố Đội Nhân, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

8. Ông Lý Trần C, sinh năm 1940 (*vắng mặt tại phiên tòa*);

Địa chỉ: Thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;

9. Cháu Lý Phương U, sinh năm 2009 (*vắng mặt tại phiên tòa*);

Địa chỉ: Thôn Kim Hoàng, Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của cháu U là anh Lý Trần H (*bố đẻ cháu U, anh H có mặt tại phiên tòa*);

10. Cháu Nguyễn Văn K, sinh năm 2005 (*vắng mặt tại phiên tòa*);

11. Cháu Nguyễn Đức A, sinh năm 2017 (*vắng mặt tại phiên tòa*);

Địa chỉ: Thôn Kim Hoàng, Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của cháu K, cháu A là chị Lý Thị A (*mẹ đẻ cháu K, cháu A. Chị A có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ huyết thống:

Bố mẹ bà Đặng Thị H là cụ Lý Quốc Đạt (chết năm 1986) và cụ Nguyễn Thị Mùi (chết năm 2005). Hai cụ có 07 người con là:

- Bà Đặng Thị Thơm (chết năm 2014) có một người con là anh Hoàng Danh T;
- Ông Lý Trần Yên (chết năm 2018), ông Yên có vợ là Nguyễn Thị T và 04 con là: Lý Thị Hải, Lý Thị Hằng, Lý Thị Hà, Lý Trần H;
- Ông Lý Trần Ninh (chết năm 1981) không có vợ, con;
- Bà Đặng Thị Sơn;
- Bà Đặng Thị H;
- Bà Đặng Thị B;
- Ông Lý Trần L.

Thành viên dòng họ Lý Trần (gồm 3 Chi), tại thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội gồm:

1. Ông Lý Trần Đ, sinh năm 1943 - Trưởng chi 3.
2. Ông Lý Trần H, sinh năm 1987 - Trưởng chi 1 đồng thời là Trưởng họ Lý Trần.
3. Ông Lý Trần C sinh năm 1940 - Trưởng chi 2.

Về diễn biến tài sản:

Cụ Đạt, cụ Mùi khi còn sống có tài sản là căn nhà cấp 4 năm gian trên diện tích đất 387m² thuộc Thửa số 344, tờ bản đồ số 8 (đo vẽ năm 2004) tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Hai cụ sinh sống tại nhà,

đất này cùng gia đình con trai trưởng là ông Lý Trần Y. Khi hai cụ và ông Lý Trần Y chết thì vợ, con ông Yên tiếp tục sinh sống tại nhà, đất này.

Hiện nay, thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cụ Lý Quốc Đ và cụ Nguyễn Thị M chết đều không để lại di chúc. Do nhà đất của hai cụ từ trước đến nay vẫn được dùng để thờ cúng nên toàn bộ các con của hai cụ vẫn đồng ý để cho vợ chồng ông Lý Trần Y, bà Nguyễn Thị T quản lý tiếp tục sử dụng vào việc thờ cúng tổ tiên.

Tuy nhiên, sau khi ông Y chết, bà T đã tiến hành xây dựng cùng lúc 03 căn nhà trên phần đất trống thuộc diện tích đất mà hai cụ để lại cho các con sử dụng.

Do không đồng ý với việc xây dựng của bà Thắng nên bà H và các anh chị em đã nhiều lần làm đơn ra Ủy ban nhân dân xã Vân Canh đề nghị tạm dừng việc xây dựng của bà Thắng, tuy nhiên việc xây dựng vẫn được tiến hành và hiện tại cả 3 căn nhà đều đã hoàn thành.

Nay bà H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

Chia thừa kế đối với tài sản do cụ Lý Quốc Đạt và cụ Nguyễn Thị Mùi để lại. Di sản thừa kế là căn nhà cấp 4, năm gian và quyền sử dụng đối với diện tích đất 387m² thuộc Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 08 (đo vẽ năm 2004) tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Bà Hạ xin nhận thừa kế bằng hiện vật, nếu trên phần đất được chia có công trình của bà Thắng xây dựng thì bà đồng ý thanh toán giá trị xây dựng cho bà Thắng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Bà Thắng xác nhận trình bày của bà H là đúng.

Về tài sản: Bà Thắng không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà H vì:

Diện tích đất 387m² thuộc Thửa số 344, tờ bản đồ số 08 (đo vẽ năm 2004) tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức là nằm trong tổng thể 617m² đất tại địa chỉ: xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức có nguồn gốc của Vua ban, thuộc quyền sở hữu của dòng họ Lý Trần. Dòng họ Lý Trần (gồm 3 Chi), tại thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội gồm:

1. Ông Lý Trần Đích, sinh năm 1943 - Trưởng chi 3.
2. Ông Lý Trần H, sinh năm 1987 - Trưởng chi 1 đồng thời là Trưởng họ Lý Trần.
3. Ông Lý Trần Chí, Trưởng chi 2.

Tuy nhiên hiện nay bà Nguyễn Thị T không công nhận ông Lý Trần Chí là Trưởng chi 2 mà chỉ thừa nhận ông Lý Trần Nam, sinh năm 1958, địa chỉ: số nhà 31, 6/14, Đội Nhân, Ba Đình, Hà Nội - ông Nam là Trưởng chi 2.

Năm 2007, do chồng bà Thắng là ông Lý Trần Yên không tinh táo minh mẫn nên đã ký cho ông Lưu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 230m², tờ bản đồ 08, thửa số 361. Sau khi được cấp sổ đỏ, mẹ chồng bà Thắng đã xây cho ông Lưu nhà cấp 4, bếp và các công trình phụ để ông Lưu ở riêng.

Đối với phần diện tích còn lại thì vợ chồng bà Thắng đang quản lý, sử dụng. Trên phần đất 387m² thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 08 (đo đạc năm 2004) có một nhà thờ họ 04 gian, nhà thờ này được xây từ 300 năm nay để thờ phụng tổ tiên của dòng họ Lý Trần, qua các năm đều có tu sửa lại.

Năm 2017, bà Thắng xây nhà cấp 4 lợp tôn. Năm 2018, bà Thắng xây nhà đầu hồi nhà thờ. Năm 2019, bà Thắng tiếp tục xây một nhà hai tầng, tuy nhiên tầng 2 lợp tôn hiện nay anh Lý Trần H đang sử dụng. Nay quan điểm của bà Thắng như sau:

Nhà thờ là để thờ phụng tổ tiên, nay vợ chồng bà Thắng có con cái thì cũng phải xây nhà cửa sạch sẽ để gia đình sinh sống. Còn khu nhà đầu hồi bà Thắng xây để dòng họ khi có công việc cũng sử dụng chung cho rộng rãi chứ không phải gia đình bà Thắng sử dụng riêng.

Theo bản đồ năm 1939, 1986, 1994, 2004, hai thửa đất là 1 thửa. Đến năm 2007 thì ông Lưu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 230m². Việc cấp sổ đỏ là sai quy định của pháp luật vì đây là đất của dòng họ Lý Trần, không phải đất của bố mẹ chồng mua bán được, đây là đất của Vua ban 300 năm nay.

Quan điểm của bà Nguyễn Thị T toàn bộ 610m² đất của hai thửa 344 và 361 đều là đất dòng họ, con cháu chỉ được ở không được quyền mua bán, không được chia nên bà Nguyễn Thị T không đồng ý với quan điểm chia thừa kế của bà H.

Đồng bị đơn là anh Lý Trần H trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Anh H xác nhận như trình bày của bà H là đúng.

Về tài sản: Anh H đồng ý với quan điểm của bà Thắng.

Với tư cách là Trưởng họ, anh H xác nhận: Dòng họ Lý Trần (gồm 3 Chi), tại thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội gồm:

1. Ông Lý Trần Đích, sinh năm 1943 - Trưởng chi 3.
2. Ông Lý Trần H, sinh năm 1987 - Trưởng chi 1 đồng thời là Trưởng họ Lý Trần.
3. Ông Lý Trần Chí - Trưởng chi 2. Tuy nhiên hiện nay bà Nguyễn Thị T không công nhận ông Lý Trần Chí là Trưởng chi 2 mà chỉ thừa nhận ông Lý Trần Nam, sinh năm 1958, địa chỉ: số nhà 31, 6/14, Đội Nhân, Ba Đình, Hà Nội - ông Nam là Trưởng chi 2.

Với tư cách là Trưởng họ của dòng họ Lý Trần, anh H đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 230m², tờ bản đồ 08, số thửa 361, địa chỉ tại Kim Hoàng, Vân Canh, Hoài Đức, thành phố Hà Nội đã cấp cho ông Lý Trần Lưu do thửa đất là đất của dòng họ, nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lưu là sai.

Đồng bị đơn- chị Lý Thị Hà, chị Lý Thị Hải, chị Lý Thị Hằng trình bày:

Các chị hoàn toàn đồng ý và nhất trí với ý kiến của bà Nguyễn Thị T, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

1. Ông Lý Trần Nam trình bày:

Ông Nam xác nhận dòng họ Lý Trần có 3 Chi, tại thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội gồm:

- Ông Lý Trần Đích, sinh năm 1943, địa chỉ: số nhà 89, phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội - Trưởng chi 3.

- Ông Lý Trần H, sinh năm 1987, trú tại: thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội - Trưởng chi 1 đồng thời là trưởng họ Lý Trần.

- Ông Lý Trần Chí, trưởng chi 2. Tuy nhiên hiện nay họ Lý Trần đã nhất trí cử ông Lý Trần Nam là Trưởng chi 2.

Đối với yêu cầu của bà H và anh H, ông Nam có quan điểm như sau:

Toàn bộ phần diện tích 610m² đất của hai thửa 344 và 361 đều là đất dòng họ Lý Trần. Hiện tại, trên thửa đất vẫn còn nhà thờ họ của dòng họ Lý Trần. Việc cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất số 361 cho ông Lưu cũng như việc chia đất cho các con của cụ Đạt và cụ Mùi, dòng họ Lý Trần không biết và không hợp pháp. Nếu bà Thắng xây nhà cho anh H ở thì dòng họ Lý Trần đồng ý, còn xây nhà cho người khác thì dòng họ Lý Trần không đồng ý.

Quan điểm của ông Nam là trả lại 610m² đất và cấp sổ chung cho dòng họ Lý Trần, chỉ có cháu trưởng mới được ở và quản lý, không có quyền mua bán.

2. Ông Lý Trần Đích trình bày:

Ông Đích hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông Nam, không có ý kiến gì khác. Ông Đích không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

3. Ông Lý Trần Lưu trình bày:

Đối với yêu cầu của anh H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông với diện tích 230m², tờ bản đồ số 08, thửa số 361 tại địa chỉ thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội, ông Lưu không đồng ý vì đây là đất thuộc tài sản riêng của ông và đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng hợp pháp.

Ông Lưu đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H về yêu cầu chia thừa kế và đề nghị Tòa án chia kỹ phần thừa kế cho ông vì đây là thửa đất bố mẹ ông để lại, khi mất, bố mẹ ông không để lại di chúc.

4. Bà Đặng Thị Sơn trình bày:

Bà Sơn đồng ý với lời khai của bà H và không có ý kiến gì khác.

5. Ông Lý Trần Trí trình bày:

Ông Trí là con cháu của dòng họ Lý Trần. Theo vị trí thì ông là Trưởng Chi 2, dòng họ Lý Trần tại xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Nguồn gốc hai thửa đất do ông Lưu và bà Thắng đang quản lý đều là do cha ông để lại. Khi còn sống, cụ Lý Trần Oanh có cắt cho ông Lưu một phần thửa đất. Phần còn lại có nhà thờ họ do bà Thắng quản lý (trước đó là do ông Lý Trần Yên - chồng bà Thắng quản lý, sử dụng). Nay bà H khởi kiện, ông không có ý kiến gì. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do bận công việc nên ông Trí xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 5A/2020/DS - ST, ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Đặng Thị H.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Lý Quốc Đạt và cụ Nguyễn Thị Mùi là 180m² đất thổ cư thuộc Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 08 (đo đạc năm 2004) tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của Lý Quốc Đạt và cụ Nguyễn Thị Mùi gồm:

- Ông Lý Trần Yên (đã chết năm 2018);
- Bà Đặng Thị H;
- Bà Đặng Thị Sơn;
- Bà Đặng Thị Bảy;
- Anh Hoàng Danh Thông (hàng thừa kế thứ nhất của bà Đặng Thị Thơm).
- Ông Lý Trần Lưu;

4. Di sản thừa kế của cụ Lý Quốc Đạt và cụ Nguyễn Thị Mùi được chia thành 06 phần, tương đương mỗi kỹ phần là 30m².

5. Xác định công sức quản lý, tu bổ và phát triển tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị T tương đương 1 kỹ phần là 30m².

6. Bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Sơn, bà Đặng Thị Bảy, ông Hoàng Danh Thông được quyền sở hữu, sử dụng 75.8m² đất thổ cư có giá trị 2.122.400.000đ (Hai

tỷ một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và tài sản trên đất thuộc Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 08 tại thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Về các tài sản, thiết bị được lắp ráp trong căn nhà và các đồ vật không gắn liền với căn nhà, trừ hệ thống cửa, điện nước, thiết bị vệ sinh, cống, cánh cống thì bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Sơn, bà Đặng Thị Bảy, ông Hoàng Danh Thông phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T.

7. Bà Nguyễn Thị T, chị Lý Thị Hải, chị Lý Thị Hà, chị Lý Thị Hằng, anh Lý Trần H được quyền sở hữu, sử dụng **104.2m²** có giá trị 2.917.600.000đ (Hai tỷ chín trăm mười bảy nghìn sáu trăm đồng) và tài sản trên đất thuộc Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 08 tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Việc phân chia tài sản có sơ đồ chi tiết kèm theo.

8. Về thanh toán chênh lệch giá trị tài sản:

+ Bà Đặng Thị H; bà Đặng Thị Sơn; bà Đặng Thị Bảy; anh Hoàng Danh Thông phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T giá trị tài sản trên đất là: **172.548.200đ** (Một trăm bảy mươi hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm đồng).

+ Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch là: $104.2m^2 - 60m^2 = 44.2m^2$; $44.2m^2 \times 28.000.000đ/m^2 = 1.237.600.000đ$.

Đối trừ: Bà Thắng đại diện cho các đồng thừa kế còn phải thanh toán trả cho bà H số tiền **1.065.051.800đ** (Một tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu không trăm năm mươi một nghìn tám trăm đồng).

9. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T và dòng họ Lý Trần về việc dòng họ Lý Trần không yêu cầu bà Nguyễn Thị T di dời các tài sản có trên diện tích đất được xác định là tài sản Dòng họ Lý Trần.

10. Ghi nhận bà Nguyễn Thị T các anh chị: Lý Thị Hải, Lý Thị Hằng, Lý Thị Hà, Lý Trần H không yêu cầu dòng họ Lý Trần thanh toán số tiền công sức đối với việc xây dựng tài sản trên phần đất được xác định là tài sản Dòng họ Lý Trần.

11. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Lý Trần H đối với Thửa đất số 361, tờ bản đồ số 08 tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đã cấp cho ông Lý Trần Lưu.

12. Không chấp nhận yêu cầu hưởng di sản thừa kế của bố mẹ là cụ Lý Quốc Đạt và cụ Nguyễn Thị Mùi của ông Lý Trần Lưu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/7/2020 nguyên đơn - bà **Đặng Thị H** có đơn kháng cáo với lý do, việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật không công bằng; bốn người phía nguyên đơn mới được chia chung 75,8 m² trong khi bị đơn chỉ có một mình lại được chia 104,2m² trên tổng số 180m² phần còn lại di sản thừa kế. Với diện tích được chia như vậy phía nguyên đơn không đảm bảo được việc tách sổ để từng người ở riêng, hiện nay nguyên đơn đang cần chỗ ở. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia đều cho những người trong cùng hàng thừa kế thứ nhất đối với phần di sản thừa kế là quyền sử dụng 180m² đất.

Ngày 14/7/2020, bị đơn bà **Nguyễn Thị T** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà Thắng đề nghị xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm áp giá đất 28.000.000đồng/m² là không đúng, thực tế giá đất chỉ là 10.000.000đồng/m².

Ngày 14/7/2020, anh **Lý Trần H** có đơn kháng cáo đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lý Trần Lưu đối với thửa đất số 361, tờ bản đồ số 8, tại xóm 6 thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội và gộp thửa đất của ông Lưu với phần di sản thừa kế còn lại 180m² để chia đều cho các đồng thừa kế là các con của cụ Mùi và cụ Đạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; nhất trí với bản án sơ thẩm tách 200m² đất để làm nhà thờ và không chia thừa kế đối với phần diện tích đất này. Đối với phần diện tích đất 180m² còn lại là di sản thừa kế đề nghị chia đều cho các đồng thừa kế của cụ Đạt, cụ Mùi. Đối với phần diện tích 230m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lưu, nguyên đơn xác nhận năm 1986 khi cụ Đạt mất, những người thừa kế và hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đạt đã thống nhất chia thừa kế đối với phần diện tích đất này cho ông Lưu, trên cơ sở đó ông Lưu mới làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần diện tích đất này. Thời điểm đó nguyên đơn cũng được anh trai là ông Lý Trần Yên (chồng bà Thắng - bị đơn) thông báo cho việc chia đất cho ông Lưu. Do vậy cần xác định phần diện tích đất chia cho ông Lưu đã được định đoạt. Sau khi cụ Mùi mất thì phần diện tích đất này không còn là di sản thừa kế nữa. Để đảm bảo cho bản án được khả thi, đề nghị Tòa án hoán đổi vị trí mà Tòa án cấp sơ thẩm đã chia, phân chia cho nguyên đơn vào vị trí của bị đơn, sau này nguyên đơn sẽ hiến toàn bộ phần diện tích đất được chia vào nhà thờ để làm nơi thờ cúng.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lý Trần H đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày, việc chia cho ông Lưu 230m² đất là sai, trên phần diện tích đất này có công chính của nhà thờ họ; ông Lý

Trần Yên ký giáp ranh cho ông Lưu khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư của bị đơn - bà Nguyễn Thị T sau khi trình bày luận cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị:

- Xác định di sản thừa kế của cụ Đạt, cụ Mùi để lại là hơn 600m²; không có căn cứ xác định phần diện tích 230m² ông Lưu được chia di sản thừa kế sau khi cụ Đạt mất; giả sử có việc cụ Mùi khi còn sống đã chia phần diện tích đất này cho ông Lưu thì chỉ có hiệu lực đối với kỷ phần của cụ Mùi, còn phần di sản thừa kế của cụ Đạt phải được chia thừa kế theo pháp luật.

- Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lưu khi chưa kiểm tra, xem xét thủ tục cấp Giấy chứng nhận là sai, vi phạm pháp luật; nếu ông Lý Trần Yên có ký vào Biên bản xác định mốc giới cũng không phù hợp vì không phải là tài sản riêng của ông Yên.

- Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đối với vụ án này khi người liên quan là ông Lý Trần H có yêu cầu độc lập đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lưu (đây là yêu cầu hủy Quyết định cá biệt) là không đúng thẩm quyền.

Ngoài ra còn một số nội dung khác thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá hết tài liệu, chứng cứ và việc đánh giá chứng cứ còn thiếu khách quan.

Do vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: sau khi phân tích, đánh giá quá trình giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị:

- *Về việc xác định di sản thừa kế:*

Các đương sự trong vụ án đều xác nhận cụ Đạt, cụ Mùi sinh thời có quản lý, sử dụng hơn 600m² đất do các cụ đời trước để lại. Trên đất có ngôi nhà cấp 4 năm gian (sau này sửa lại thành 04 gian) được sử dụng để thờ cúng tổ tiên.

Căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 15/10/2019, ngày 10/3/2020 (BL 267, 362) của UBND xã Vân Canh, có cơ sở xác định 200m² đất trên có nhà thờ thuộc thửa đất số 344 mà gia đình bà Thắng đang quản lý, sử dụng là tài sản thuộc dòng họ Lý Trần,

diện tích còn lại thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 08 tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ Đạt, cụ Mùi; không có căn cứ xác định toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp là của dòng họ Lý Trần. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế của cụ Đạt, cụ Mùi để lại là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lưu:

Các đương sự đều xác nhận thời điểm còn sống cụ Mùi và ông Yên đã tách diện tích 230m² đất thuộc thửa số 361 cho ông Lưu. Cụ Mùi đã xây nhà, tường bao trên đất cho ông Lưu ở riêng. Ngày 06/9/2007, UBND huyện Hoài Đức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 084355 cho ông Lưu đối với phần diện tích đất 230m². Sau khi được cấp Giấy chứng nhận, ông Lưu đã quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay. Việc này bà H, bà Sơn, bà Bảy (con ruột cụ Mùi) cho biết thời điểm chia đất cho ông Lưu, các bà đều biết, không có ý kiến gì, nay các bà không đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lưu theo yêu cầu của ông H.

Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Hoài Đức cung cấp: Tại Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới, kích thước (BL 240) các hộ liên kề đã ký xác nhận, trong đó có chữ ký xác nhận của ông Lý Trần Yên. Theo bà Thắng trình bày, tại thời điểm ký xác nhận ông Yên không được tỉnh táo tuy nhiên bà Thắng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Mặt khác, tại phiên tòa ngày 30/6/2020 (BL 398), bà Thắng trình bày, quá trình UBND xã công bố kê khai và ký giáp ranh, UBND xã đã vào nói đất nào có nhà thờ thì để lại, đất nào đã tách ra thì làm sổ, sau đó cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lưu. Như vậy, thực tế bà Thắng đã biết việc ông Lưu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia, ông Lưu quản lý sử dụng ổn định từ đó đến nay gia đình bà Thắng và các đồng thừa kế của ông Lưu đều biết, không ai có ý kiến, khiếu nại gì, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 084355 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 06/9/2007 cho ông Lưu là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh H về nội dung này.

Về việc phân chia di sản thừa kế:

- Về xác định người hưởng di sản thừa kế: Bản án sơ thẩm nhận định khi cụ Mùi còn sống, cụ và các con đã phân chia cho ông Lưu một phần diện tích đất. Ông Lưu đã nhận và xây nhà, sử dụng ổn định cho đến nay nên không chấp nhận yêu cầu của ông Lưu được hưởng di sản thừa kế đối với diện tích đất còn lại của cụ Đạt, cụ Mùi là không đúng. Vì khi hai cụ chết không để lại di chúc, ông Lưu không thuộc

trường hợp không được hưởng thừa kế. Tuy nhiên, sau khi bản án sơ thẩm xét xử, ông Lưu không có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm nên đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không xem xét.

- Thừa đất số 344 tờ bản đồ số 08 tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội do bà Thắng quản lý, theo bản đồ năm 1994 thửa đất có diện tích 387m², hiện trạng sử dụng đất là 375.8m² (thiếu 11.2m²); thửa đất số 361 cũng ở địa chỉ nêu trên do ông Lưu quản lý, sử dụng có diện tích theo Giấy chứng nhận là 230m² nhưng thực tế đo hiện trạng sử dụng là 234,2m² (thừa 4,2m²). Hai thửa đất đã có khuôn viên và sử dụng ổn định nên cần căn cứ số đo thực tế để giải quyết. Tuy nhiên bản án sơ thẩm lại lấy 4,2m² của thửa 361 gộp vào thửa 344 thành diện tích 380m² để chia thừa kế và yêu cầu ông Lưu phải đính chính lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đã bị thay đổi hình thể thửa đất là không đúng. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm ông Lưu không kháng cáo nên đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không xem xét.

Về việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật:

Quá trình quản lý, sử dụng thửa đất, gia đình bà Thắng đã có công sức duy trì, tôn tạo xây dựng tài sản trên đất; bà H, bà Sơn, bà Bảy, anh Thông không sống trên thửa đất này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức bằng 1 kỷ phần thừa kế cho gia đình bà Thắng là có căn cứ.

Do trên đất có công trình kiên cố (nhà 2 tầng) là nhà ở của gia đình bà Thắng xây dựng, gia đình bà Thắng có nhu cầu về chỗ ở, còn những người thừa kế khác là bà H, bà Sơn, bà Bảy, anh Thông, ông Lưu đều đã có chỗ ở ổn định khác, không có nhu cầu về chỗ ở mà chỉ có cần nơi thờ cúng bố mẹ trên đất để lại nên khi chia tòa án ưu tiên cho gia đình bà Thắng quản lý sử dụng diện tích đất có nhà và thanh toán giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế còn lại là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với bà Thắng kháng cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị quyền sử dụng đất 28.000.000đ/m² là không đúng với giá trị thực tế tại xã Vân Canh, đề nghị xác định lại giá trị quyền sử dụng đất hiện nay chỉ là 10.000.000đ/m². Tại buổi xem xét, thẩm định, định giá tài sản ở cấp sơ thẩm bà Thắng đã được tham gia, khi Hội đồng định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất là 28.000.000đ/m², bà Thắng không có ý kiến gì và ký vào Biên bản. Hơn nữa, không có căn cứ để xác định giá trị quyền sử dụng đất thực tế chỉ là 10.000.000đ/m² như bà Thắng trình bày nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về nội dung này.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định kháng cáo là hợp lệ.

Đối với một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt không có lý do, xét thấy sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

Tại phiên toà phúc thẩm, anh Lý Trần H mới có yêu cầu mời Luật sư Nguyễn Tuấn D, Luật sư Công ty Luật TNHH Hoà D thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H. Xét thấy Luật sư Nguyễn Tuấn D đang bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn - bà Nguyễn Thị T, tại phiên toà Luật sư D cũng đồng ý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh H. Trong vụ án, quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thắng và anh H không đối lập nhau nên căn cứ Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xác nhận Luật sư Nguyễn Tuấn D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thắng và anh H tại phiên toà.

2. Về Nội dung:

Căn cứ vào trình bày của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được xác định:

2.1. Về quan hệ huyết thống:

Cụ Lý Quốc Đạt và cụ Nguyễn Thị Mùi khi còn sống có 07 người con là: Ông Lý Trần Yên (chết năm 2018); Bà Đặng Thị Thơm (chết năm 2014); Ông Lý Trần Ninh (chết năm 1981, chết trước cụ Đạt, cụ Mùi); Bà Đặng Thị H; Bà Đặng Thị Sơn; Bà Đặng Thị Bảy; Ông Lý Trần Lưu.

2.2 Xác định thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Cụ Lý Quốc Đạt chết năm 1986, cụ Nguyễn Thị Mùi chết năm 2005 nên xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Đạt là năm 1986 và thời điểm mở thừa kế của cụ Mùi là năm 2005.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688, Khoản 1 Điều 623 BLDS năm 2015; khoản 4 Điều 4 Nghị Quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016; Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân

dân tối cao; Công văn giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018, xác định yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn là còn trong thời hiệu.

2.3 Về xác định hàng thừa kế và người thừa kế

Căn cứ các Điều 650, 651, 652 BLDS năm 2015, xác định hàng thừa kế thứ nhất và người thừa kế di sản để lại của hai cụ Đạt, cụ Mùi là:

- Ông Lý Trần Yên (chết năm 2018), ông Yên có vợ là bà Nguyễn Thị T và các con là chị Lý Thị Hải, chị Lý Thị Hằng, chị Lý Thị Hà và anh Lý Trần H. Do vậy người được hưởng kỷ phần di sản thừa kế của ông Yên được chia là vợ và các con của ông Yên.

- Bà Đặng Thị Thơm (đã chết năm 2014). Căn cứ bào Biên bản làm việc của Toà án nhân dân huyện Hoài Đức với UBND xã Vân Canh thể hiện, bà Thơm chung sống với ông Hoàng Danh Giao (có đăng ký kết hôn hay không thì địa phương không nắm được). Ông Giao và bà Thơm sinh được một người con là anh Hoàng Danh Thông. Khi anh Thông còn nhỏ thì ông Giao và bà Thơm không chung sống với nhau nữa. Từ thời điểm năm 1975, ông Giao không còn ở tại địa phương, sau này bà Thơm có đăng ký kết hôn với ai không thì địa phương không nắm được. Do vậy chỉ có căn cứ xác định anh Thông là người thừa kế chuyển tiếp và được hưởng kỷ phần di sản thừa kế của của bà Thơm.

- Ông Lý Trần Ninh (chết năm 1981, chết trước cụ Đạt, cụ Mùi), ông Ninh không có vợ, con nên không phát sinh quyền thừa kế

- Bà Đặng Thị H;
- Bà Đặng Thị Sơn;
- Bà Đặng Thị Bảy;
- Ông Lý Trần Lưu;

2.4 Căn cứ xác định di sản thừa kế:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều xác nhận, khi còn sống cụ Đạt và cụ Mùi quản lý khối di sản 610m² đất tại thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, trên đất có một nhà thờ của dòng họ Lý Trần.

Cụ Đạt, cụ Mùi chết không để lại di chúc, sau khi hai cụ chết, toàn bộ khối di sản này do vợ chồng ông Lý Trần Yên và em trai của ông Yên là ông Lý Trần Lưu quản lý, sử dụng.

Vào thời điểm năm 1999 khi cụ Mùi còn sống, cụ Mùi có xây dựng 01 nhà cấp 4, bếp, nhà vệ sinh và tường bao quanh trên diện tích đất 230m² cho ông Lưu ở do ông Lưu không có vợ con.

Ngày 06/9/2007, ông Lưu đã được UBND huyện Hoài Đức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 361, tờ bản đồ số 08 với diện tích 230m² tại địa chỉ thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Nguyên đơn xác nhận phần diện tích đất còn lại sau khi trừ phần diện tích đã chia cho ông Lưu là di sản của cụ Đạt, cụ Mùi để lại và đề nghị chia thừa kế theo pháp luật.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong gia đình bị đơn và thành viên thuộc dòng họ Lý Trần) cho rằng, toàn bộ phần diện tích đất trên 610m² là của dòng họ Lý Trần, có nguồn gốc của Vua ban nên không được chia thừa kế và chuyển nhượng.

Để có căn cứ xác định về nguồn gốc thửa đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại cơ quan quản lý đất ở địa phương thể hiện, các văn bản lưu trữ tại UBND xã Vân Canh chưa có thời điểm nào thể hiện diện tích đất đang tranh chấp nêu trên là của dòng họ Lý Trần quản lý; từ năm 1939 đến trước năm 1986 trên các tờ bản đồ về địa chính và các sổ sách kèm theo không thể hiện chủ sử dụng đất. Từ năm 1986, tài liệu địa chính thể hiện chủ sử dụng đất là ông Lý Trần Yên (được chú thích là chuyển từ bà Nguyễn Thị Mùi); năm 2004 thể hiện có hai chủ sử dụng đất là ông Lý Trần Yên và ông Lý Trần Lưu. Đối với phần diện tích đất 200m² được tách từ năm 1991 tuy nhiên vẫn trong thửa số 344 và chủ sử dụng là ông Lý Trần Yên.

Năm 1991, khi cụ Mùi còn sống, một phần diện tích đất đã được tách ra cho ông Lưu và đã xây công trình nhà riêng cho ông Lưu sử dụng, các thành viên thuộc dòng họ Lý Trần không ai có phản đối hoặc khiếu kiện gì về việc này.

Xem xét đối với việc ông Lưu được quản lý, sử dụng và cấp Giấy chứng nhận đối phần diện tích 230m² đất xác định, trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Hoài Đức cung cấp cho Tòa án thể hiện, tại *Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới, kích thước thửa đất ngày 25/8/2005*, có chữ ký của các hộ liên kề, trong đó có chữ ký của ông Lý Trần Yên và ông Lý Trần Trí; khi còn sống cụ Mùi đã xây nhà trên phần đất có khuôn viên riêng biệt cho ông Lưu ở. Quá trình giải quyết vụ án những người trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đạt, cụ Mùi là bà Sơn, bà H, bà Bảy và anh Thông (con bà Thơm và là người thừa kế duy nhất của bà Thơm) đều xác nhận khi cụ Mùi và ông Yên còn sống thì những người trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đạt đã thống nhất chia cho ông Lưu phần diện tích đất này, sau đó ông Yên và ông Lưu mới đi làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Hạ, bà Sơn, bà Bảy và anh Thông không nhất trí với yêu cầu của anh H đề nghị huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lưu. Như vậy việc ông Lý Trần Yên ký vào biên bản xác định mốc giới năm 2005 thể hiện ông Yên biết rõ

việc phân chia và đồng ý với việc phân chia nên mới ký vào biên bản xác định mốc giới. Việc ông Yên ký vào Biên bản này là thể hiện ý chí và quyền định đoạt của người để lại di sản đối với người được hưởng di sản. Ngoài ra trong suốt thời gian làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lưu không ai có ý kiến, khiếu nại gì, ông Lưu đã quản lý và sử dụng ổn định nhà, đất cho tới nay, do vậy cần xác định phần diện tích đất 230m² ông Lưu đã được hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đạt, cụ Mùi thống nhất chia cho ông Lưu quản lý, sử dụng ổn định nên được xác định là hợp pháp.

Sau khi trừ 230m² đất chia cho ông Lưu, phần diện tích đất còn lại trên đất có nhà thờ được xác định là di sản thừa kế của cụ Đạt, cụ Mùi để lại.

Năm 2017, bà Thắng đã xây dựng 01 nhà cấp 4 lợp tôn; năm 2018, bà Thắng xây một nhà hai tầng, tầng trên không đổ mái lợp tôn nối vào đầu hồi nhà thờ họ; năm 2019, bà Thắng tiếp tục xây một nhà hai tầng, tầng trên không đổ mái lợp tôn.

Nguyên đơn có yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất trên phần diện tích đất có nhà cấp 4, năm gian. Tòa án cấp sơ thẩm đã kiểm tra hiện trạng sử dụng đất xác định, nhà thờ đã được sửa chữa lại toàn bộ thành khu nhà thờ riêng biệt, đồng thời từ năm 1991 khi cụ Đạt, cụ Mùi còn sống cũng đã tách 200m² thành nơi thờ cúng dòng họ Lý Trần. Tại Biên bản xác minh ngày 15/10/2019 và ngày 10/3/2020, UBND xã Vân Canh trả lời, phần diện tích đất 200m² được xác định là đất dành cho cơ sở tôn giáo (theo quy định tại mục 4 Điều 3 Pháp lệnh thuế nhà, đất năm 1991) nên từ năm 1991 đến nay, UBND xã Vân Canh đã miễn nộp thuế sử dụng đối với phần diện tích đất này. Do vậy để đảm bảo giữ văn hóa truyền thống cũng như văn hoá tín ngưỡng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất 200m² được tách ra để làm nhà thờ cúng dòng họ Lý Trần và không chia thừa kế đối với phần diện tích này là phù hợp. Trên cơ sở đó xác định phần diện tích đất còn lại là 180m² là di sản thừa kế của cụ Đạt, cụ Mùi được chia thừa kế theo pháp luật.

Đối với ông Lý Trần Lưu đã được các hàng thừa kế của cụ Đạt cụ Mùi xác nhận ông Lưu đã được chia phần diện tích 230m² đất, do vậy khi ông Lưu có yêu cầu được chia thừa kế đối với phần diện tích đất còn lại 180m² là không có cơ sở vì quyền lợi của ông Lưu đã được đảm bảo, đây không phải là trường hợp làm mất đi quyền thừa kế của ông Lưu mà xác định ông Lưu đã được hưởng thừa kế trước đối với người cùng hàng thừa kế với mình nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu được hưởng thừa kế của ông Lưu đối với phần diện tích đất còn lại là có căn cứ.

Di sản của cụ Đạt cụ Mùi là quyền sử dụng 180m² đất được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm ông Lý Trần Yên (do ông Yên đã chết nên vợ và các con ông Yên được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Yên), bà Đặng Thị Sơn, bà Đặng Thị H, bà

Đặng Thị Bảy và bà Đặng Thị Thơm (do bà Thơm đã chết nên con trai của bà Thơm là anh Hoàng Danh Thông được hưởng kỷ phần thừa kế của bà Thơm).

2.5. Phân chia thừa kế

Căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất thể hiện, thửa đất số 344 và thửa đất số 361, tờ bản đồ số 08 tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thì thửa đất số 344 có diện tích 375,8m²; thửa đất số 361 có diện tích 234,2m². Đối với thửa 361 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lưu với diện tích 230m², như vậy có 4,2m² đất không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, phần diện tích đất này trong khuôn viên ông Lưu đã sử dụng ổn định, không có biến động gì, thửa đất số 344 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lẽ ra cần căn cứ số đo thực tế để xác định phần diện tích đất của các thửa. Tuy nhiên bản án sơ thẩm chỉ xác nhận thửa 361 có diện tích 230m² đất như đã ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lưu, trên cơ sở đó tuyên ông Lưu phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại phần diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không phù hợp với thực tế. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm ông Lưu không có đơn kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để sửa đổi với phần này.

Xem xét hiện trạng thửa đất nhận thấy, công trình xây dựng nhà ở của ông Lưu đã được sử dụng ổn định nhiều năm nay, để đảm bảo giá trị sử dụng của công trình, nhà ở, Tòa án cấp sơ thẩm đã giữ nguyên như hiện trạng sử dụng và điều chỉnh lại mốc giới diện tích đất của ông Lưu như sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất kèm theo bản án là phù hợp.

Phần diện tích đất của ông Lưu sau khi điều chỉnh lại thì thửa đất số 344 có tổng diện tích là $375,8\text{m}^2 + 4,2\text{m}^2 = 380\text{m}^2$. Các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết theo diện tích 380m² vì các hộ liền kề đều đã xây dựng ổn định không có tranh chấp nên không yêu cầu xác định phần chênh lệch.

Như vậy phần di sản thừa kế được xác định như sau: Trong tổng số 380m² đất, có 200m² không chia thừa kế mà được tách ra để làm nơi thờ cúng của dòng họ Lý Trần, phần còn lại 180m² được xác định là di sản của cụ Đạt, cụ Mùi để lại và chia thừa kế theo pháp luật (trừ ông Lý Trần Lưu).

2.5.1 Phân chia di sản thừa kế

Xét công sức đóng góp, duy trì bảo quản di sản, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quá trình sinh sống trên đất, ông Yên cùng bà Thắng và các con đã quản lý, sử dụng, bảo quản thửa đất này từ nhiều năm nay nên khi chia thừa kế đã tính công sức duy trì khối di sản thừa kế của cụ Đạt, cụ Mùi bằng 1 kỷ phần thừa kế là phù hợp.

Giá trị di sản thừa kế được xác định là $180m^2 \times 28.000.000đ/m^2 = 5.040.000.000đ$ (Năm tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).

Do các đương sự đều có yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật nên kỷ phần thừa kế được chia thành 6 phần ($180m^2 : 6$) mỗi kỷ phần tương đương $30m^2$.

Bà Hạ, bà Sơn, bà Bảy, anh Thông mỗi người được hưởng $30m^2$; các đồng thừa kế của ông Yên được hưởng 2 kỷ phần là $60m^2$.

Bà Thắng, chị Hà, chị Hải, chị Hằng, anh H đều có yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế của ông Yên bằng hiện vật đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chia chung một vị trí và giao cho bà Thắng đại diện quản lý.

Các bà H, bà Sơn, bà Bảy, ông Thông đều có yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chia chung một vị trí và giao cho bà H đại diện quản lý.

Xét việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với thực tế nên Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên.

Để đảm bảo ổn định việc sử dụng đất theo hiện trạng và giá trị các công trình trên đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho các đồng thừa kế của ông Yên do bà Thắng đại diện được sở hữu, sử dụng **$104.2m^2$** đất và tài sản trên đất; chia cho bà H, bà Sơn, bà Bảy, anh Thông được sở hữu, sử dụng chung **$75.8m^2$** đất và tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 có trị giá: 172.548.200đồng là phù hợp nên Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên.

Do phần diện tích đất bà Thắng và các đồng thừa kế của ông Yên được chia có giá trị nhiều hơn nên bà Thắng và các đồng thừa kế của ông Yên do bà Thắng đại diện có nghĩa vụ phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho các đồng thừa kế khác, cụ thể:

$$104.2m^2 - 60m^2 = 44.2m^2.$$

$$44.2m^2 \times 28.000.000đ/m^2 = 1.237.600.000đ.$$

Đổi trừ giá trị căn nhà cấp 4 xây trên diện tích đất giao cho bà H và các đồng thừa kế khác nên giá trị kỷ phần còn lại phải thanh toán là:

$1.237.600.000đ - 172.548.200đ = \mathbf{1.065.051.800đ}$ (Một tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu không trăm năm mươi một nghìn tám trăm đồng).

Đối với công trình xây dựng của bà Thắng nằm trong một phần diện tích $200m^2$ đất được tách ra để làm nhà thờ cúng dòng họ Lý Trần. Xét thấy, năm 2017, 2018 bà Thắng xây dựng một số công trình trên đất cho các con ở nhưng không có ai trong dòng họ Lý Trần phản đối. Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm có tuyên: “Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T và dòng họ Lý Trần về việc dòng họ Lý

Trần không yêu cầu bà Nguyễn Thị T di dời các tài sản có trên diện tích đất được xác định là tài sản Dòng họ Lý Trần". Sau khi xét xử sơ thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện các Chi trong dòng họ Lý Trần cũng không có đơn kháng cáo về nội dung này. Phía nguyên đơn - bà H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thắng, bà Sơn, ông Lưu và anh Thông không có ý kiến gì về việc buộc bà Thắng phải di dời công trình nhà ở trên phần diện tích 200m² đất làm nhà thờ. Do vậy Toà án cấp phúc thẩm tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự, giữ nguyên đối với quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung này.

Đối với phần diện tích đất 200m² được tách ra làm nhà thờ cúng của dòng họ Lý Trần, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của anh H, không có yêu cầu giao cho ai là người quản lý nên Toà án cấp sơ thẩm đã không xác định giao cho ai là người quản lý đối với nhà, đất này. Do vậy Toà án cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét. Dòng họ Lý Trần có trách nhiệm phân công người quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng, nếu có tranh chấp về việc quản lý nhà, đất thờ cúng thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

3. Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lý Trần H cũng như ý kiến của đại diện các Chi trong dòng họ Lý Trần, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lưu và xác định toàn bộ diện tích 610m² đất là của dòng họ Lý Trần

Như đã phân tích ở nội dung nêu trên, chỉ có căn cứ xác định 200m² đất là nhà thờ cúng của dòng họ Lý Trần. Phần diện tích 230m² đất ông Lưu được chia là hợp pháp và được sự thống nhất của các đồng thừa kế nên ông Lưu có quyền làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, sở hữu đối với nhà, đất được chia.

Căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lưu nhận thấy, UBND huyện Hoài Đức đã thực hiện đúng thủ tục, quy trình về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu của anh H đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lưu là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh H là có căn cứ.

4. Về án phí:

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bà Thắng, bà Sơn được xác định là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bà Hạ, anh H, chị Hải, chị Hà, chị Hằng, bà Bảy, anh Thông phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bà H, bà Thắng và anh H không được chấp nhận nên bà H và anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do bà Thắng được xác định là người cao tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho bà Thắng phải nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 675, 676, 683 và Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005;
Điều 211, 623 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 160 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50A/2020/DSST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Đặng Thị H đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị T về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế:

Cụ Lý Quốc Đạt chết năm 1986, cụ Nguyễn Thị Mùi chết năm 2005 nên xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Đạt là năm 1986 và thời điểm mở thừa kế của cụ Mùi là năm 2005.

Xác định Bà Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là còn trong thời hiệu.

3. Xác định hàng thừa kế và người được hưởng thừa kế của Lý Quốc Đạt và cụ Nguyễn Thị Mùi gồm:

- Ông Lý Trần Yên (do ông Yên đã chết nên vợ, con ông Yên là bà Nguyễn Thị T, chị Lý Thị Hải, chị Lý Thị Hằng, chị Lý Thị Hà và anh Lý Trần H được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Lý Trần Yên).

- Bà Đặng Thị H;

- Bà Đặng Thị Sơn;

- Bà Đặng Thị Bảy;

- Bà Đặng Thị Thơm (do bà Thơm đã chết nên anh Hoàng Danh Danh Thông được hưởng kỷ phần thừa kế của bà Đặng Thị Thơm).

- Ông Lý Trần Lưu (do ông Lưu đã được chia phần diện tích 230m² đất thừa số 361 tờ bản đồ số 8, tại địa chỉ xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài

Đức, thành phố Hà Nội nên không được chia kỹ phần thừa kế đối với phần di sản thừa kế 180m² còn lại của cụ Đạt, cụ Mùi).

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Lý Quốc Đạt và cụ Nguyễn Thị Mùi là **180m²** đất thổ cư, thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 08 (đo đạc năm 2004), địa chỉ tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

5. Phân chia di sản thừa kế:

Di sản thừa kế 180m² đất được chia thành 06 phần, tương đương mỗi kỹ phần là 30m².

5.1. Xác định công sức quản lý, tu bổ và phát triển di sản của bà Nguyễn Thị T (cùng anh H, chị Hà, chị Hải, chị Hằng) tương đương 1 kỹ phần là **30m²**.

5.2. Chia cho bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Sơn, bà Đặng Thị Bảy và anh Hoàng Danh Thông được sở hữu và sử dụng **75.8m²** đất thổ cư, có giá trị 2.122.400.000đồng (*Hai tỷ một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) và tài sản là nhà ở trên một phần thửa đất số 344, tờ bản đồ số 08 tại thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các tài sản, thiết bị và các đồ vật lắp đặt trong căn nhà, trừ hệ thống cửa, điện, nước, thiết bị vệ sinh, công, cánh cổng ...của căn nhà xây trên phần diện tích đất đã phân chia cho bà H, bà Sơn, bà Bảy và anh Thông. Trường hợp bà Nguyễn Thị T không tự nguyện tháo dỡ, di dời thì bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Sơn, bà Đặng Thị Bảy, anh Hoàng Danh Thông được quyền sử dụng mà không phải thanh toán giá trị cho bà Nguyễn Thị T.

5.3 Chia cho bà Nguyễn Thị T, chị Lý Thị Hải, chị Lý Thị Hà, chị Lý Thị Hằng, anh Lý Trần H do bà Thắng đại diện quản lý, sử dụng **104.2m²** đất, có giá trị 2.917.600.000đồng (*Hai tỷ chín trăm mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*) và tài sản là nhà ở trên một phần thửa đất số 344, tờ bản đồ số 08 tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Việc phân chia tài sản có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án.

6. Về thanh toán chênh lệch giá trị tài sản:

- Bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Sơn, bà Đặng Thị Bảy, anh Hoàng Danh Thông phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T giá trị tài sản nhà ở và các công trình trên đất là: 172.548.200đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch được chia cho bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Sơn, bà Đặng Thị Bảy, anh Hoàng Danh Thông là:

$$104.2m^2 - 60m^2 = 44.2m^2 .$$

$$44.2\text{m}^2 \times 28.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.237.600.000\text{đồng}.$$

Đối trừ nghĩa vụ thanh toán thì bà Nguyễn Thị T (đại diện cho các đồng thừa kế) còn phải thanh toán trả cho bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Sơn, bà Đặng Thị Bảy, anh Hoàng Danh Thông (do bà Đặng Thị H đại diện) số tiền 1.065.051.800đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu không trăm năm mươi một nghìn tám trăm đồng*).

7. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T và dòng họ Lý Trần về việc dòng họ Lý Trần không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải di dời nhà ở và công trình xây dựng trên diện tích đất 200m² được xác định là nơi thờ cúng của dòng họ Lý Trần.

8. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Lý Trần H đối với thửa đất số 361, tờ bản đồ số 08 tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đã cấp cho ông Lý Trần Lưu.

9. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lý Trần Lưu về việc đòi hưởng kỷ phần thừa kế đối với phần diện tích đất 180m² được xác định là di sản của cụ Lý Quốc Đạt và cụ Nguyễn Thị Mùi để lại.

Ông Lý Trần Lưu có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (mốc giới, kích thước các cạnh) đối với thửa đất số 361, tờ bản đồ số 08 tại xóm 6, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

Các đương sự khác là bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị Sơn, bà Đặng Thị Bảy, anh Hoàng Danh Thông và bà Nguyễn Thị T (cùng các đồng thừa kế là chị Lý Thị Hải, chị Lý Thị Hà, chị Lý Thị Hằng, anh Lý Trần H) có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được phân chia theo quy định của pháp luật.

10. Về án phí:

- Bà Đặng Thị H phải chịu 37.200.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 3.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 8954 ngày 17/6/2019 và 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 9799 ngày 14/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Số tiền án phí còn lại phải nộp là 33.900.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị T, bà Đặng Thị Sơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đặng Thị Bảy; anh Hoàng Danh Thông mỗi người phải chịu 37.200.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lý Thị Hải, chị Lý Thị Hằng, chị Lý Thị Hà, anh Lý Trần H mỗi người phải chịu 12.480.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lý Trần H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lý Trần Lưu không được chấp nhận và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu số 0009265 ngày 17/10/2019 và 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 0009802, ngày 15/7/2020 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Xác nhận anh H đã nộp xong tiền án phí.

11. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền phải thanh toán, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền phải thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

12. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam